Name: ..... Class: 1.....

HƯỚNG DẪN HỌC ONLINE MÔN TIẾNG ANH

Tuần 20 (13/12 - 17/12)

THỜI GIAN	NỘI DUNG
Thứ 2 (13/12)	1. Nghe và ôn tập các từ số ít, số nhiều chủ đề "Farm animals" qua link: YouTube

1	 cow	 goat	 chicken	 goose	 bee	 duck	 horse	 sheep
2,3 ...	 cows	 goats	 chickens	 geese	 bees	 ducks	 horses	 sheep

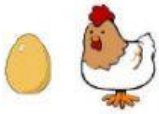
2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

 1. There is one **goose**.	 2. There are two **geese**.

3. Nghe, chỉ tay và ôn tập từ vựng chủ đề "Farm products" qua link: YouTube

 egg	 honey	 milk	 meat

4. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

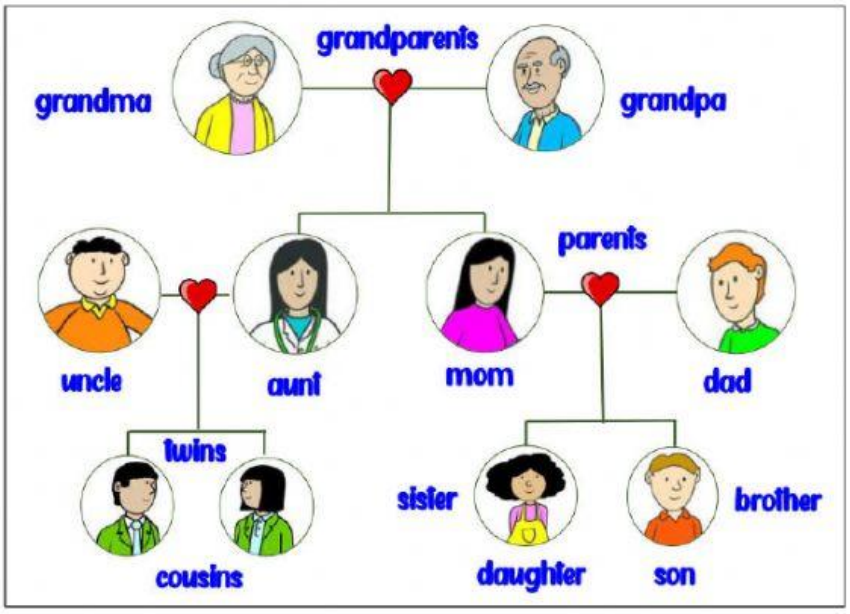
 1. **Egg** comes from a **chicken**.	 2. **Milk** comes from a **goat**.

LIVEWORKSHEETS

Thứ 3
(14/12)

1. Nghe, chỉ tay và ôn tập các từ vựng chủ đề "**My family**" qua link:

YouTube



2. Chỉ tay và luyện đọc mẫu câu:

		
1. Who is he? He is my **uncle**.	2. Who is she? She is my **aunt**.	3. Who are they? They are my **cousins**.

3. Nghe, chỉ tay và luyện đọc các từ mới chủ đề "**Adjectives**" qua link:

YouTube

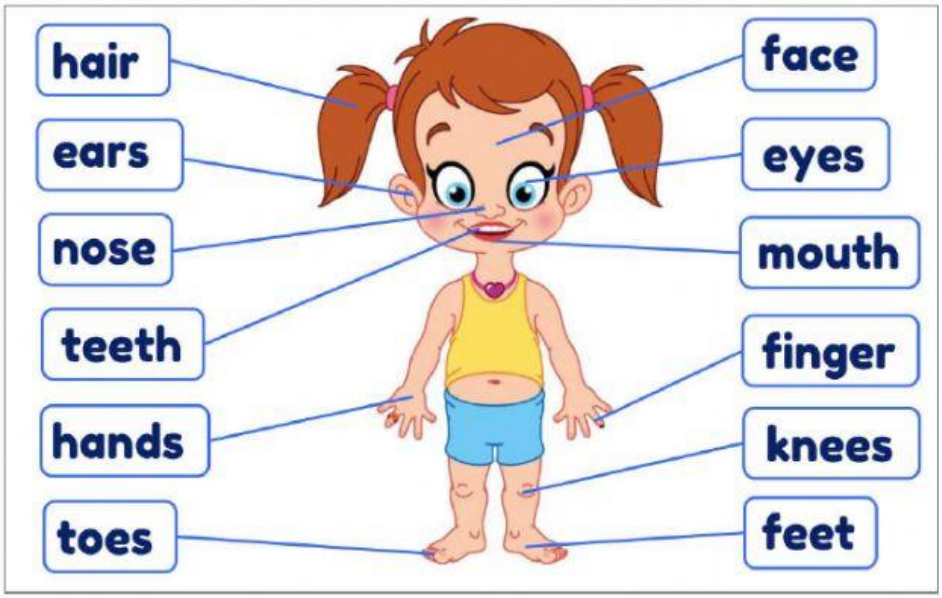
 young	 quiet	 happy
 old	 noisy	 sad

LIVEWORKSHEETS

Thứ 4
(15/12)

1. Nghe, chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Body parts**" qua link:

YouTube



2. Chỉ tay, luyện đọc mẫu câu:

		
✓ I **have** blond hair. × I **don't have** dark hair.	✓ He **has** short hair. × He **doesn't have** long hair.	✓ She **has** dark hair. × She **doesn't have** blond hair.

3. Ôn tập từ vựng và mẫu câu qua link trò chơi:

QUIZIZZ

LIVEWORKSHEETS

Thứ 5 (16/12)

1. Xem video bài hát về chủ đề "**Body parts**" qua link:

YouTube

2. Nghe, chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Action verbs**" qua link:

YouTube

			
dance	**smile**	**bend**	**kick**
			
snap	**step**	**spin**	**wave**

3. Chỉ tay, luyện đọc mẫu câu:

	
1. **Spin** around.	2. **Kick** a ball.

4. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi:

Wordwall

LIVEWORKSHEETS

Thứ 6 (17/12)	1. Nghe, chỉ tay và luyện đọc từ vựng chủ đề "**Action verbs**" qua link: YouTube  dance  smile  bend  kick  snap  step  spin  wave 2. Chỉ tay, luyện đọc mẫu câu:  1. **Snap** your finger.  2. **Wave** your arms. 3. Ôn tập từ vựng qua link trò chơi: Wordwall
Extra practice	1. Làm bài trong phần **Homework** trên **Pearson English Portal** tại link: Pearson 2. Luyện viết và học từ mới trong phiếu **"Trace and Read"**

LIVEWORKSHEETS

Name: .....

Class: 1..... Date: .....

Unit 6 – How are we the same and different?

TRACE, WRITE AND READ



hands



feet



teeth



arms



legs

LIVEWORKSHEETS